TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 13/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 25/02/2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp cấp dưỡng nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Cảnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Tôn Văn Hùng**.

Bà **Trần Thị Tuyết Mai.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Điền** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Liễu** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 409/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp cấp dưỡng nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Hoàng U**, sinh năm 1997;
Địa chỉ: Ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Trường Th**, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

(Chị U có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng U trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Trường Th là vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn 42 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy cấp ngày 17/6/2015. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 01 con chung tên Nguyễn Nhật D, sinh ngày 11/8/2019. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Trường Th không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* *Tại phiên tòa*:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng U vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Nguyễn Trường Th vắng mặt không lý do.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*:

Chị Nguyễn Thị Hoàng U là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị U.

Anh Nguyễn Trường Th là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Th.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Nguyễn Thị Hoàng U giao nộp 01 giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định giữa chị Nguyễn Thị Hoàng U và anh Nguyễn Trường Th chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, chị U xác định giữa chị và anh Th phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên tranh cãi, đã ly thân với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Anh Th không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của chị U, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh Th không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân với chị U và lời trình bày của chị U về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ.

Thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị U và anh Th là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử

chấp nhận cho chị U được ly hôn với anh Th là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. *Về con chung*:

- Anh Th và chị U có 01 người con chung tên Nguyễn Nhật D, sinh ngày 11/8/2019.

- Chị U yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh Th không có văn bản thể hiện ý kiến về việc nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Con chung của chị U và anh Th theo giấy khai sinh xác định chưa đủ 36 tháng tuổi đang sống ổn định với chị U nên yêu cầu nuôi con chung của chị U là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị U yêu cầu anh Th cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh Th không có ý kiến phản đối.

- Hội đồng xét xử thấy rằng: Do con chung giao cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên chị U yêu cầu anh Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh Th không có ý kiến phản đối mức cấp dưỡng cho con theo yêu cầu của chị U nên có căn cứ xác định mức cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng theo yêu cầu của chị U là phù hợp với khả năng kinh tế của anh Th; Mặt khác, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp nhu cầu cần thiết để nuôi bé phát triển bình thường về mọi mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị U, buộc anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị U không yêu cầu giải quyết.

[5]. *Về án phí*:

- Chị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Hoàng U được ly hôn với anh Nguyễn Trường Th.

2. Con chung:

Tiếp tục giao 01 con chung tên Nguyễn Nhật D, sinh ngày 11/8/2019 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về án phí:

Chị U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006577 ngày 11/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên chị U không phải nộp tiếp tiền án phí.

Anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị U và anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
-VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự: Uyên, Thịnh;
- UBND xã Mỹ Hạnh Trung, Tx.Cai Lậy;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Cảnh